

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HNGĐ-ST

Ngày 05-9-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đ Mạnh

Ông Đào Tuấn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2832/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th; nơi cư trú: Australia; tạm trú: 89/88 gác 2, đường Nguyễn ĐC, phường AB, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Vũ Đình Đ; nơi cư trú: ĐKHKT: Số 133 đường CH, phường HN, quận LC, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Lô 14A7, phòng 307, chung cư H, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà và ông Vũ Đình Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trại Cau, quận Lê Chân thành phố Hải Phòng năm 1978. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc, năm 1998 vợ chồng bà cho hai con trai sang Úc du học, năm 1999 bà Th cũng sang Úc để chăm sóc hai con. Vào khoảng năm 2001, giữa bà Th và ông Đ bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình vợ chồng sống xa nhau giữa hai ông bà không có sự chia sẻ, cảm thông, cách sống và cách suy nghĩ cũng không còn phù hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi

nhau. Mặt khác trong thời gian vợ chồng sống xa nhau thì bà Th không còn tin tưởng ông Đ về vấn đề tình cảm. Năm 2010, bà Th có về Việt Nam nhưng vợ chồng không chung sống cùng nhau. Năm 2015, bà Th quay trở lại Úc sinh sống từ đó cho đến nay. Bản thân bà xét thấy trên thực tế giữa bà và ông Đ đã không có cuộc sống chung vợ chồng từ lâu, không ai còn quan tâm đến ai cả về vấn đề tình cảm cũng như kinh tế, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, nên bà có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Đình Đ.

Về con chung: Bà Th và ông Đ có hai con chung là Vũ Đức D, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1979 và Vũ Trọng Kh, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1982. Hiện hai con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Đ đã giải quyết với nhau xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các bản tự khai, bị đơn là ông Vũ Đình Đ trình bày: Ông thống nhất với bà Th về quá trình kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung và tài sản chung. Bản thân ông cũng nhận thấy do khoảng cách về địa lý xa nhau, khác biệt về văn hóa, quan điểm sống giữa ông bà không có sự thông cảm và chia sẻ với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà Th có đơn xin ly hôn ông cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Ông Vũ Đình Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ hai lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Th có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn xin ly hôn và các bản tự khai. Ông Vũ Đình Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ cho thấy: Cuộc sống chung của bà Nguyễn Thị Th và ông Vũ Đình Đ không có hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, tính cách vợ chồng không có sự chia sẻ, cảm thông, cách sống và cách suy nghĩ cũng không còn phù hợp nên thường xuyên xảy ra việc cãi nhau. Cả hai ông bà cũng đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Trên thực tế vợ chồng đã từ lâu không chung sống với nhau. Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn ông Vũ Đình Đ. Các con ông bà đã trưởng thành nên không phải giải quyết. Hai bên cũng đã tự giải quyết xong tài sản nên Tòa án không phải giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Th đã trên 60 tuổi nên miễn án phí cho bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Th và ông Vũ Đình Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 11 năm 1978, theo quy định tại chương II của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Th hiện đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Vũ Đình Đ đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng ông có đơn xin xét xử vắng vì lý do sức khỏe, tâm lý và bận công việc nên ông không tham dự phiên tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ Đình Đ.

[3] Về hôn nhân Căn cứ vào lời khai của cả bà Nguyễn Thị Th và ông Vũ Đình Đ và các tài liệu thu thập trong hồ sơ có cơ sở kết luận : Cuộc sống chung giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Vũ Đình Đ có mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không tin tưởng nhau về tình cảm vợ chồng sống xa nhau nhiều năm nên không có sự gần gũi chia sẻ, cảm thông với nhau Xét, mâu thuẫn của bà Th ông Đ kéo dài nhiều năm nhưng ông bà không có biện pháp khắc phục ông bà đã bỏ mặc nhau, không còn quan tâm tới nhau cả về kinh tế và tình cảm. Như vậy, mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được cuộc sống chung không thể kéo dài, việc bà Nguyễn Thị Th xin ly hôn, ông Vũ Đình Đ đồng ý ly hôn là hoàn toàn chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Th.

[4] Về nuôi con chung: Bà Th và ông Đ khai thống nhất có hai con chung là Vũ Đức D, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1979 và Vũ Trọng Kh, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1982 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản: Bà Nguyễn Thị Th, ông Vũ Đình Đ cùng khai thống nhất đã tự giải quyết xong không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm Tuy nhiên tại phiên tòa bà Th không xin được miễn án phí do vậy bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Bà Nguyễn Thị Th và ông Vũ Đình Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với Vũ Đình Đ.

2. Về nuôi con chung: Cả hai con chung là Vũ Đức D, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1979 và Vũ Trọng Kh, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1982 đều đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản: Hai bên đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0010772 ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà Nguyễn Thị Th đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Bà Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Vũ Đình Đ được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng;
- UBND phường Trại Cau, quận. Lê Chân, TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thu Hương

